| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG ĐIỀN**<br>TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **83**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 05/12/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU.

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Sơn và bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Nguyễn Xuân Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên toà:**

Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐST- HNGĐ ngày 16/11/2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Kỷ D, sinh năm 1969. (Có mặt).

Địa chỉ: 6 C/10 khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chổ ở: Tổ 2, ấp B, xã P, huyện L, tỉnh BRVT.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969. (Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: K 37 tổ 2, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

## NHẬN THẤY

*** Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Kỷ D có yêu cầu như sau:** Ông Nguyễn Kỷ D và bà Nguyễn Thị M tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Ông D và bà M chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà M có chơi đánh bạc, thiếu nợ người khác, ông D khuyên bà M từ bỏ đánh bạc nhưng không được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông D và bà M đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

Ông D yêu cầu được ly hôn đối với bà M.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà M không có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Về con chung: Ông D và bà M có 4 người con là Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1989, Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992, Nguyễn Thế N, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2004. Em Tr chưa thành niên, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng em Trâm thì ông D đồng ý.

***Tại bản khai, biên bản hòa giải, bà Nguyễn Thị M có ý kiến như sau:**

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Kỷ D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến về việc bà M vay tiền của người khác để chi tiêu cho gia đình, ông D cho rằng bà M vay tiền để đánh bạc. Bà M và ông D đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

Về con chung: Bà M và ông D có 4 người con là Nguyễn Thị Ngọc Vân, sinh năm 1989, Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992, Nguyễn Thế N, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2004. Em Tr chưa thành niên, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng em Tr, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Bà M chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không có tranh chấp tài sản chung và nợ chung đối với ông D.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục xét xử vụ án: Bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị TAND huyện Long Điền xét xử vắng mặt bà M.

Về nội dung vụ án, đại diện VKSND huyện Xuyên Mộc đề nghị TAND huyện Xuyên Mộc không công nhận ông Nguyễn Kỷ D và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng, giao con chưa thành niên là Nguyễn Thị Ngọc Trâm cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục xét xử vụ án: TAND huyện L đã triệu tập hợp lệ, ông Nguyễn Kỷ D có mặt, bà Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điều 227 bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện L xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M.

[2] Về nội dung vụ án, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Kỷ D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Kỷ D chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà M và ông D đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

Xét thấy bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Kỷ D không đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn nên áp dụng điều 9; khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà M và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Bà M và ông D có 4 người con là Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1989, Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992, Nguyễn Thế N, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2004.

Đối với em Tr chưa thành niên có nguyện vọng ở với mẹ, bà M và ông D đều đề nghị tòa án giao cho bà M nuôi dưỡng, nên giao cho bà M nuôi dưỡng em Tr là phù hợp thực tế, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con.

Tạm thời bà M có điều kiện nuôi con, không yêu cầu bà ông D cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết, ông D và bà M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 9; khoản 1 điều 14; điều 81, điều 82, điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án :

1/- Tuyên bố: Không công nhận ông Nguyễn Kỷ D và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng.

2/- Về con chung: Bà M và ông D có 4 người con là Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1989, Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992, Nguyễn Thế N, sinh năm 1996 (Đã thành niên) và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2004;

Giao em Nguyễn Thị Ngọc Tr cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng;

Tạm thời bà M không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con;

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, bà M và ông D có thể yêu cầu tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Kỷ D và bà Nguyễn Thị M không có tranh chấp tài sản chung và nợ chung.

4/- Về án phí: Ông Nguyễn Kỷ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005280 ngày 02/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền; Ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**
-TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND Tỉnh BRVT;
- VKSND H. Long Điền;
- Chi cục THA-DS H. Long Điền;
- Những người tham gia tố tụng;;Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Hữu Nghĩa**